

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 08/7/2020

“V/v: Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quyết.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Khóa và bà Dương Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Vụ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Đàm Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2020/TLST-HNGĐ ngày 04/02/2020 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 27/5/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15/6/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H; sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt (Có đơn xin xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Lê Đình T; sinh năm 1989; nơi ĐKKHKT trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Hiện đang lao động tại Singapore (không rõ địa chỉ). Vắng mặt.

3. Người làm chứng: Ông Lê Đình L; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại Đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày như sau:* Chị và anh Lê Đình T kết hôn với nhau ngày 10/12/2018, trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với nhau được 20 ngày thì anh T đi lao động tại Singapore còn chị làm giáo viên mầm non ở nhà. Kể từ ngày anh T đi lao động tại Singapore, đến nay đã hơn 1 năm nhưng anh T không quan tâm, hỏi thăm, động viên chị. Chị đã nhiều lần liên lạc qua Zalo và Facebook nhưng hai vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn. Anh T chửi bới, xúc phạm chị và gia đình chị. Ngoài ra, anh T không chung thủy, đã quan hệ với người phụ nữ khác và có con riêng. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và gần đây đã không còn quan tâm đến nhau

nữa. Trước khi làm đơn xin ly hôn, chị đã trao đổi với anh T về việc ly hôn và xin địa chỉ của anh nhưng anh T nói do anh đang lao động bất hợp pháp nên không có nơi ở cố định. Nay chị thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ với nhau được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, nợ chung: Không có.

- *Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng, ông Lê Đình L (bố đẻ anh T) trình bày:* Anh T và chị H kết hôn với nhau ngày 10/12/2018 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B. Anh chị có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương. Sau ngày cưới được khoảng một tháng, anh T đi lao động tại Singapore, còn chị H ở nhà chưa đi làm. Thời gian đầu anh chị thường xuyên liên lạc qua Zalo và Facebook. Khoảng hai tháng sau, chị H đi làm giáo viên mầm non. Thời gian này chị H và anh T bắt đầu sút mẻ tình cảm hay cãi vã nhau trên điện thoại. Cũng từ đó ông thấy chị H bị áp lực cuộc sống tại gia đình nhà chồng, không còn vui vẻ như trước. Ông có bảo chị H nếu áp lực quá thì cứ về nhà bố mẹ để ở một thời gian để cho thoải mái, khi nào ổn định thì về. Sau đó chị H về nhà bố mẹ để tại thôn N, xã T, huyện B ở. Từ đó chị H không quan tâm gì đến gia đình ông nữa. Việc anh chị mâu thuẫn như thế nào ông không nắm được cụ thể. Về con chung: Anh T và chị H không có con chung. Anh T đi lao động tại Singapore, thời gian đầu có địa chỉ nhưng sau đó anh T trốn ra ngoài lao động bất hợp pháp nên không có địa chỉ cụ thể. Hiện ông và anh T thường xuyên liên lạc với nhau qua Zalo và Facebook để hỏi thăm sức khỏe và công việc. Ông đã thông báo cho anh T về việc chị H đã làm đơn xin ly hôn anh T đến Tòa án. Anh T có ý kiến, quan điểm là vợ chồng anh đã có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Tòa án yêu cầu ông cung cấp địa chỉ của anh T và thông báo cho anh T về việc anh T phải cung cấp địa chỉ và tài liệu, chứng cứ cho Tòa án đồng thời trình bày ý kiến bằng văn bản về yêu cầu khởi kiện của chị H nhưng anh T không cung cấp được địa chỉ. Anh T trình bày ý kiến là anh không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an cung cấp: Anh Lê Đình T đã được Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp hộ chiếu số B5807452 ngày 03/10/2011, có giá trị đến 03/10/2021; có thông tin xuất nhập cảnh nhiều lần, lần cuối xuất cảnh ngày 06/10/2019 qua cửa khẩu Nội Bài bằng hộ chiếu nêu trên, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện chưa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thẩm phán đã cơ bản chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuy nhiên việc thu thập tài liệu và thời hạn chuẩn bị xét xử chưa thực hiện đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 476 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để yêu cầu nguyên đơn tiếp tục cung cấp địa chỉ của bị đơn đến hết thời

hạn chuẩn bị xét xử mới giải quyết vụ án. Do việc thu thập chứng cứ chưa đầy đủ để đảm bảo cho việc giải quyết vụ án như đã nêu trên nên đại diện Viện kiểm sát không có quan điểm về đường lối giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Lê Đình T là bị đơn trong vụ án là người Việt Nam đang lao động tại Singapore nhưng không rõ địa chỉ, tuy nhiên anh T vẫn thường xuyên liên lạc với thân nhân ở trong nước. Tòa án đã hai lần yêu cầu ông Lê Đình L (là bố đẻ) cung cấp địa chỉ của anh T nhưng không có kết quả, nên Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Tòa án đã tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh T vẫn vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

Nguyên đơn chị Phạm Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xử vắng mặt do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H.

[2] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Lê Đình T kết hôn với nhau ngày 10/12/2018 trên cơ sở tự nguyện, có đủ điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hoà thuận được khoảng một tháng thì anh T đi lao động tại Singapore. Thời gian đầu anh chị có liên lạc với nhau nhưng chỉ được khoảng 02 đến 03 tháng thì vợ chồng có mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Ngoài ra theo chị H thì anh T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác và đã có con riêng. Do vậy anh chị đã xảy ra cãi nhau, xúc phạm nhau trên điện thoại. Anh chị có thời gian chung sống cùng nhau ít, sau đó do xa cách về địa lý nên không có sự gần gũi chia sẻ. Nay chị H xin ly hôn anh T, Hội đồng xét xử thấy rằng anh chị có mâu thuẫn, đã khắc phục nhưng không được. Xét thấy mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được. Do vậy căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Lê Đình T.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Phạm Thị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Lê Đình T.
2. Về con chung: Không có.
3. Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0000781 ngày 21/01/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Báo chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Anh T hiện đang ở nước ngoài có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã T, huyện B;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Quyết